

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 83 /2024/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng
kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 19**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số
27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các
tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của
Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

*Xét Tờ trình số 2273/TTr-UBND ngày 28/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh
về việc đề nghị ban hành Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và
việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn địa bàn tỉnh
Quảng Bình; sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến
thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng đất trồng lúa

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ được xác định theo số liệu được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch sử dụng đất của năm liền kề trước năm kế hoạch; Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ theo điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP được xác định theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao của năm liền kề trước năm kế hoạch. Riêng đối với kinh phí phân bổ cho năm 2025, diện tích đất trồng lúa là số liệu thống kê đất đai của tỉnh năm 2023 đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố.

b) Ưu tiên hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng đất trồng lúa và địa phương quản lý đất trồng lúa.

c) Trường hợp có cùng chính sách hỗ trợ do địa phương quy định thì được hưởng chính sách cao nhất.

2. Phạm vi hỗ trợ

a) Các địa phương sản xuất lúa với đất chuyên trồng lúa; đất trồng lúa còn lại (trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa) và đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

b) Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao, thuê hoặc cấp đất trồng lúa sản xuất ổn định, trực tiếp tham gia sản xuất.

c) Cơ quan nhà nước liên quan đến việc quản lý đất trồng lúa.

3. Định mức hỗ trợ

a) Đối với nguồn ngân sách trung ương bổ sung trong dự toán: Hỗ trợ kinh phí cho ngân sách các huyện, thành phố, thị xã theo tiêu chí diện tích đất trồng lúa được phê duyệt hàng năm theo định mức quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

b) Đối với nguồn thu tiền bảo vệ đất trồng lúa đã nộp vào ngân sách nhà nước tỉnh theo quy định khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, hỗ trợ cho ngân sách cấp tỉnh và ngân sách các huyện, thị xã, thành phố theo định mức như sau: Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh 15% trên tổng nguồn kinh phí; phần kinh phí còn lại 85% hỗ trợ cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố theo diện tích đất trồng lúa được phê duyệt hàng năm theo Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

a) Đối với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này:



Sử dụng không thấp hơn 60% kinh phí được phân bổ để hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiên bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Kinh phí còn lại sau khi hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa tại điểm a khoản 4 Điều này thực hiện hỗ trợ cho các hoạt động: Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã.

b) Đối với nguồn thu tiền bảo vệ đất trồng lúa nộp vào ngân sách nhà nước tỉnh quy định tại điểm b, khoản 3 Điều này:

Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ cho các hoạt động: Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần; Hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ cho các hoạt động: Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: NN&PTNT, TC;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, TX, TP;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Hải Châu